

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HS-ST
Ngày 14-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vy Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Công Hòa.

Ông Hoàng Trường Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lộc Anh Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2019/TLST-HS, ngày 23 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Lý Kim H (Họ tên khác: Không có), sinh ngày 16 tháng 7 năm 1971 tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 3/10; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Khoa M và bà Hoàng Thị H; có vợ Nguyễn Thị T và 03 người con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa vi phạm pháp luật và bị xử lý lần nào; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/8/2019 đến nay. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Dương Công H1, sinh ngày 27/02/1977,

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Anh Dương Hữu C, sinh ngày 02/9/1983.

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Anh Dương Công H2, sinh ngày 10/12/1975.

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

4. Anh Hoàng Văn Đ, sinh ngày 20/06/1970.

Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

5. Chị Long Thị N, sinh ngày 12/12/1970.

Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

6. Anh Dương Thời H, sinh ngày 10/7/1972.

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

7. Chị Vi Thị T, sinh ngày 08/3/1970.

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

8. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 08/10/1969.

Nơi ĐKKHKT: Xóm T, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội.

Tạm trú: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

9. Anh Dương Công H3, sinh ngày 26/6/1980.

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

10. Anh Dương Văn H, sinh ngày 03/6/1990.

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

11. Anh Dương Thời T, sinh ngày 20/03/1993.

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

12. Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 26/8/1978.

Địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lý Kim H, sinh ngày 16/7/1971 và vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1978, trú tại Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn làm nghề kinh doanh mua, bán thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm tại các chợ xã V và các xã lân cận thuộc địa bàn huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đến năm 2018, H chuyển sang cho vay tiền với lãi suất cao, có cầm cố tài sản hoặc không cầm cố tài sản tùy theo mối quan hệ và số lượng tiền vay và đều xác lập hợp đồng bằng giấy vay tiền, thỏa thuận tính lãi suất trên số tiền vay gốc; việc cho vay được H ghi chép sổ sách để theo dõi nợ và tính lãi suất; trường hợp người vay chưa thanh toán tiền lãi, H cộng số tiền lãi chưa thanh toán vào tiền gốc để chốt nợ và lấy số tiền đã chốt nợ để tính lãi lần thanh toán tiếp theo. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2018 đến tháng 7/2019, Lý Kim H đã cho một số người dân trên địa bàn huyện B vay tiền lãi suất cao, cụ thể như sau:

1. Ông Dương Công H1, sinh năm 1977, trú tại Thôn Y, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn

Ngày 25/10/2018, H cho H1 vay 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, 10 ngày thanh toán tiền lãi một lần. Đến ngày 30/01/2019, H1 phải trả lãi cho H số tiền 5.800.000 đồng nH1 mới thanh toán được 3.000.000 đồng, hai bên thống nhất cộng số lãi còn lại 2.800.000

đồng vào tiền gốc và chốt nợ với H số tiền vay mới là 32.800.000 đồng, đồng thời thỏa thuận tăng lãi suất của khoản vay lên 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày của số tiền chốt nợ 32.800.000 đồng nói trên. Tính đến ngày 17/7/2019, H1 đã 02 lần trả tiền lãi cho H với tổng số tiền là 10.000.000 đồng. Ngày 06/8/2019, H1 và H thống nhất cộng nợ lãi chưa trả vào để chốt nợ với số tiền là 53.200.000 đồng.

Với các mức lãi suất mà Lý Kim H cho Dương Công H1 vay nêu trên, mức lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng 72% /01 năm; mức lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương ứng 182,5%/01 năm. Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất cho vay tối đa là 20%/01 năm, tương ứng với mức lãi suất 547,95 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày.

Với khoản vay lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tính từ ngày 31/01/2019 đến thời điểm H chốt nợ với H1 ngày 06/8/2019 là 188 ngày. Theo lãi suất tối đa quy định của Bộ luật Dân sự thì số tiền lãi hợp pháp Lý Kim H được hưởng từ khoản vay này là $547,95 \text{ đồng/1.000.000 đồng/01 ngày} \times 30.000.000 \text{ đồng} \times 188 \text{ ngày} = 3.090.438 \text{ đồng}$. Số tiền H thu lợi bất chính là $(53.200.000 \text{ đồng} + 10.000.000 \text{ đồng} - 2.800.000 \text{ đồng}) - (30.000.000 \text{ đồng} + 3.090.438 \text{ đồng}) = 27.309.562 \text{ đồng}$, thuộc cấu thành tội phạm Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Trên thực tế H mới chỉ thực thu số tiền trong số tiền lãi đã tính để thu lợi bất chính là $10.000.000 \text{ đồng} - 3.090.438 \text{ đồng} = 6.909.562 \text{ đồng}$.

Đối với khoản vay lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tính từ thời điểm giao kết hợp đồng ngày 25/10/2018 đến thời điểm chốt nợ ngày 30/01/2019 là 98 ngày. Với mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự thì số tiền lãi hợp pháp Lý Kim H được hưởng từ khoản vay này là $547,95 \text{ đồng/1.000.000 đồng/01 ngày} \times 30.000.000 \text{ đồng} \times 98 \text{ ngày} = 1.610.973 \text{ đồng}$. Số tiền H thu lợi bất chính là $(32.800.000 \text{ đồng} + 3.000.000 \text{ đồng}) - (30.000.000 \text{ đồng} + 1.610.973 \text{ đồng}) = 4.189.027 \text{ đồng}$. Khoản thu lợi bất chính này không cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Ông Dương Hữu C, sinh năm 1983 và ông Dương Công H2, sinh năm 1975, trú tại Thôn Y, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Ngày 30/10/2018, Công đứng tên vay H số tiền 160.000.000 đồng, trong đó Công đứng tên vay giúp Dương Công H2 100.000.000 đồng, còn Công vay 60.000.000 đồng. Công và H thỏa thuận lãi suất khoản vay này là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tài sản cầm cố là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 243868 mang tên người sử dụng đất là Dương Hữu C. Sau khi vay, Công đã trả tiền lãi cho H nhiều lần (không xác định được thời gian cụ thể) với tổng số tiền là 90.560.000 đồng, trong đó trả lãi cho Công là 59.060.000 đồng và trả lãi cho Hải là 31.500.000 đồng. Đến ngày 15/4/2019, Công, Hải và H thống nhất tách khoản vay ra để trả riêng. Ngày 20/5/2019, H chốt nợ với Hải số tiền là 186.472.500 đồng, nhưng chỉ tính tròn 180.000.000 đồng và Hải đã trả H hết số tiền này. Ngày 06/8/2019, H chốt nợ với Công số tiền là 94.000.000 đồng.

Đối với khoản vay của Dương Hữu C, tính từ thời điểm giao kết hợp đồng ngày 30/10/2018 đến thời điểm chốt nợ ngày 06/8/2019 là 281 ngày. Theo lãi suất tối đa quy định của Bộ luật Dân sự thì số tiền lãi hợp pháp mà H được hưởng đối với số tiền cho Công vay là $547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/01 \text{ ngày} \times 60.000.000 \text{ đồng} \times 281 \text{ ngày} = 9.238.437 \text{ đồng}$. Số tiền H thu lợi bất chính là $(94.000.000 \text{ đồng} + 59.060.000 \text{ đồng}) - (60.000.000 \text{ đồng} + 9.238.437 \text{ đồng}) = 83.821.563 \text{ đồng}$.

Đối với khoản vay của Dương Công H2, tính từ thời điểm giao kết hợp đồng ngày 30/10/2018 đến thời điểm thực hiện xong hợp đồng ngày 20/5/2019 là 203 ngày. Theo lãi suất tối đa quy định của Bộ luật Dân sự thì số tiền lãi hợp pháp mà H được hưởng đối với số tiền cho Hải vay là $547,95 \text{ đồng} \times 100.000.000 \text{ đồng} \times 203 \text{ ngày} = 11.123.385 \text{ đồng}$. Số tiền H thu lợi bất chính là $(180.000.000 \text{ đồng} + 31.500.000 \text{ đồng}) - (100.000.000 \text{ đồng} + 11.123.385 \text{ đồng}) = 100.376.615 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền Lý Kim H thu lợi bất chính từ việc cho Dương Hữu C và Dương Công H2 vay tiền là $83.821.563 \text{ đồng} + 100.376.615 \text{ đồng} = 184.198.178 \text{ đồng}$. Do khoản vay của Công thì H mới chỉ thực thu số tiền trong số tiền lãi đã tính để thu lợi bất chính là $59.060.000 \text{ đồng}$ (tiền lãi đã nhận) – $9.238.437 \text{ đồng}$ (tiền lãi hợp pháp) = $49.821.563 \text{ đồng}$. Như vậy số tiền thu lợi bất chính mà H thực tế nhận là $100.376.615 \text{ đồng} + 49.821.563 \text{ đồng} = 150.198.178 \text{ đồng}$.

3. Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1970 cùng vợ là bà Long Thị N, sinh năm 1970, trú tại Thôn K, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Ngày 10/11/2018, Đ cùng vợ là N đến nhà H vay số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là $5.000 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/01 \text{ ngày}$. Đến ngày 10/01/2019, vợ chồng Đông đã trả cho H 20.000.000 đồng, do chưa trả được hết tiền lãi theo thỏa thuận nên hai bên thống nhất chốt nợ số tiền 171.570.000 đồng; ngày 30/01/2019, chốt nợ số tiền là 189.580.000 đồng; ngày 30/3/2019, chốt nợ số tiền là 246.450.000 đồng; ngày 30/4/2019, chốt nợ số tiền là 369.670.000 đồng; ngày 30/5/2019, chốt nợ số tiền là 425.000.000 đồng; ngày 29/7/2019, chốt nợ số tiền 616.000.000 đồng.

Tính từ thời điểm giao kết hợp đồng ngày 10/11/2018 đến thời điểm H chốt nợ với Đ và N ngày 29/7/2019 là 262 ngày. Với lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự thì số tiền lãi hợp pháp H được hưởng là $547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/01 \text{ ngày} \times 150.000.000 \text{ đồng} \times 262 \text{ ngày} = 21.534.435 \text{ đồng}$. Số tiền H đã thu lợi bất chính là $(616.000.000 \text{ đồng} + 20.000.000 \text{ đồng}) - (150.000.000 \text{ đồng} + 21.534.435 \text{ đồng}) = 464.465.565 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, thực tế H mới chỉ thực thu số tiền trong số tiền lãi đã tính để thu lợi bất chính là 20.000.000 đồng, chưa đủ số tiền lãi hợp pháp như đã tính ở trên.

4. Ông Dương Thời H, sinh năm 1972, trú tại Thôn Y, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Ngày 15/12/2018, Hiện vay H số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất $5.000 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/01 \text{ ngày}$, thỏa thuận cứ 01 tháng trả tiền lãi một lần và

Hiện đã trả tiền lãi trước 01 tháng là 4.500.000 đồng. Đến ngày 25/12/2018, Hiện vay tiếp 10.000.000 đồng, tổng cộng số tiền đã vay là 40.000.000 đồng. Ngày 28/01/2019, Hiện trả lãi 1.500.000 đồng. Ngày 12/3/2019, Hiện trả lãi cho cả hai khoản vay là 13.500.000 đồng và viết giấy vay mới số tiền 40.000.000 đồng để tiếp tục tính tiền lãi từ ngày 13/3/2019. Ngày 15/4/2019, Hiện trả tiền lãi 6.000.000 đồng và ngày 12/5/2019 trả tiếp 6.000.000 đồng. Tổng cộng Hiện đã trả tiền lãi cho hai khoản vay tính đến ngày 12/5/2019 là 31.500.000 đồng.

Đối với khoản vay thứ nhất từ thời điểm giao kết hợp đồng ngày 15/12/2018 đến thời điểm Hiện trả nợ lần cuối ngày 12/5/2019 là 149 ngày; khoản vay thứ hai từ thời điểm giao kết hợp đồng ngày 25/12/2018 đến thời điểm Hiện trả nợ lần cuối ngày 12/5/2019 là 139 ngày. Với mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự, số tiền lãi hợp pháp mà H được hưởng từ khoản vay thứ nhất là $547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/01 \text{ ngày} \times 30.000.000 \text{ đồng} \times 149 \text{ ngày} = 2.449.336,5 \text{ đồng}$; số tiền lãi hợp pháp mà H được hưởng từ khoản vay thứ hai là $547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/01 \text{ ngày} \times 10.000.000 \text{ đồng} \times 139 \text{ ngày} = 761.650,5 \text{ đồng}$. Số tiền H thu lợi bất chính từ việc cho Dương Thời H vay là $31.500.000 \text{ đồng} - (2.449.336,5 \text{ đồng} + 761.650,5 \text{ đồng}) = 28.289.013 \text{ đồng}$.

5. Bà Vi Thị T, sinh năm 1969, đăng ký hộ khẩu thường trú tại Xóm T, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội; tạm trú tại Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Ngày 03/4/2019, Tuyết vay H 35.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, thời điểm tính tiền lãi kể từ ngày vay tiền và cứ 01 tháng thanh toán lãi suất một lần là 5.250.000 đồng, tài sản cầm cố là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 785650 mang tên con trai của bà Tuyết là Dương Văn H. Tính đến ngày 31/7/2019, Tuyết đã 04 lần trả lãi cho H tổng số tiền là 18.250.000 đồng và vẫn chót số tiền nợ gốc là 35.000.000 đồng.

Tính từ thời điểm giao kết hợp đồng ngày 03/4/2019 đến ngày Vi Thị T trả lãi và chót nợ lần cuối ngày 31/7/2019 là 120 ngày. Với lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự thì số tiền lãi hợp pháp mà H được hưởng là $547,95 \text{ đồng}/1.000.000 \text{ đồng}/01 \text{ ngày} \times 35.000.000 \text{ đồng} \times 120 \text{ ngày} = 2.301.390 \text{ đồng}$.

Số tiền Lý Kim H thu lợi bất chính từ việc cho Vi Thị Tuyết vay tiền là $18.250.000 \text{ đồng} - 2.301.390 \text{ đồng} = 15.948.610 \text{ đồng}$.

6. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969, đăng ký hộ khẩu thường trú tại Xóm T, xã P, huyện S, thành phố Hà Nội; tạm trú tại Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Ngày 26/5/2019, Đ vay H 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, thời điểm tính lãi suất kể từ ngày vay và cứ 10 ngày trả lãi một lần. Ngày 10/6/2019, Đ đã trả tiền lãi cho H 3.000.000 đồng; ngày 06/7/2019 Đ trả tiếp 3.000.000 đồng. Tổng cộng Đ đã trả cho H 6.000.000 đồng tiền lãi.

Tính từ thời điểm giao kết hợp đồng ngày 26/5/2019 đến thời điểm Đoàn trả lãi lần cuối ngày 06/7/2019 là 42 ngày. Với mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự thì tổng số tiền lãi hợp pháp mà H được hưởng là 547,95 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày x 30.000.000 đồng x 42 ngày = 690.417 đồng.

Số tiền Lý Kim H thu lợi bất chính từ việc cho Nguyễn Văn Đ vay tiền là 6.000.000 đồng – 690.417 đồng = 5.309.583 đồng.

7. Ông Dương Công H3, sinh năm 1980, trú tại Thôn Y, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Ngày 11/7/2019, Hậu vay của H số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, thỏa thuận cứ 10 ngày thanh toán lãi suất một lần, tài sản cầm cố là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 711767 mang tên Dương Công H3. Ngày 20/7/2019, Hậu trả tiền lãi cho H 1.500.000; đến ngày 30/7/2019 Hậu trả tiếp 1.500.000 đồng. Tổng cộng Hậu đã trả cho H 3.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền còn lại chưa đến hạn thanh toán tiền lãi thì H bị phát hiện, bắt giữ.

Tính từ thời điểm giao kết hợp đồng ngày 11/7/2019 đến thời điểm trả lãi lần cuối ngày 30/7/2019 là 20 ngày. Với mức lãi suất tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự thì tổng số tiền lãi hợp pháp mà H được hưởng là 547,95 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày x 30.000.000 đồng x 20 ngày = 328.770 đồng.

Số tiền Lý Kim H thu lợi bất chính từ việc cho Dương Công H3 vay tiền là 3.000.000 đồng – 328.770 đồng = 2.671.230 đồng.

Về vật chứng của vụ án:

- Tài liệu tạm giữ chuyển theo hồ sơ vụ án gồm có:

01 quyển sổ bì nhựa màu tím than, ngoài bì trước có chữ “Bureau”; bên trong có ghi các chữ và số.

18 tờ giấy vay tiền đã ghi nội dung; trong đó 02 tờ tên Dương Công H1, 01 tờ tên Hoàng Văn Đ, 04 tờ tên Long Thị N, 01 tờ tên Hoàng Văn Đ và Long Thị N, 04 tờ tên Dương Hữu C, 03 tờ tên Vi Thị T, 01 tờ tên Dương Công H3 và 02 tờ tên Dương Thời H.

50 tờ giấy khổ A4, in mẫu Giấy vay tiền, chưa ghi nội dung.

- Tài liệu, đồ vật chuyển đến Cơ quan Thi hành án Dân sự gồm có:

03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; trong đó 01 giấy mang tên Dương Hữu C, 01 giấy mang tên Dương Văn H và 01 giấy mang tên Dương Công H3.

400 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, loại có mệnh giá 500.000 đồng.

01 Điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime màu vàng, đã qua sử dụng; số Imei thứ nhất: 353415085158502, số Imei thứ hai: 353415085158500. Kèm theo 02 sim thuê bao.

Bản cáo trạng số 88/ CT- VKS ngày 22 tháng 10 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Lý Kim H về tội Cho vay lãi nặng

trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Phân công Viện kiểm sát nhân dân huyện B thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án.

Tại phiên tòa bị cáo Lý Kim H đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo thực hiện như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố đối với bị cáo, không có nội dung gì thay đổi; không thắc mắc khiếu nại gì về các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xét xử bị cáo Lý Kim H theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Bị cáo bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của bản thân và tỏ rõ sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo và gia đình đã tự khắc phục hậu quả bằng cách nộp số tiền thu lợi bất chính để trả lại cho người vay và nộp ngân sách nhà nước và gia đình có ông Nguyễn Văn Minh là bố vợ được tặng kỷ niệm chương chiến sĩ trường sơn đường Hồ Chí Minh nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo có thể được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là *“tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả”* và *“thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”* và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt chính:

+ Áp dụng khoản 2 Điều 201 điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Lý Kim H từ 06 tháng đến 09 tháng tù giam về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có khả năng thi hành nên không đề nghị áp dụng.

- Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 BLTTHS đề nghị:

+ Tịch thu 01 quyển sổ bì nhựa màu tím than, ngoài bì trước có chữ “Buerau”; bên trong có ghi các chữ và số; 18 tờ giấy vay tiền đã ghi nội dung; 50 tờ giấy khổ A4, in mẫu Giấy vay tiền, chưa ghi nội dung không còn giá trị sử dụng tạm giữ của Lý Kim H được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

+ Tịch thu bán sung công quỹ nhà nước thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime màu vàng, đã qua sử dụng tạm giữ của Lý Kim H

+ Truy thu số tiền 475 triệu đồng tiền gốc là công cụ phương tiện phạm tội, trong đó:

Truy thu của Lý Kim H 100 triệu đồng (là số tiền gốc của Dương Công H2 đã trả cho H);

Truy thu của Dương Công H1 30 triệu đồng (tiền gốc chưa trả)

Truy thu của Dương Hữu C 60 triệu đồng (tiền chưa trả gốc)

Truy thu của Hoàng Văn Đ 150 triệu đồng (tiền chưa trả gốc)

Truy thu của Dương Thời H 40 triệu đồng (tiền gốc chưa trả)

Truy thu của Vi Thị T 35 triệu đồng (tiền gốc chưa trả)

Truy thu của Nguyễn Văn Đ 30 triệu đồng (tiền gốc chưa trả)

Truy thu của Đường Công Hậu 30 triệu đồng (tiền gốc chưa trả)

+ Truy thu số tiền do phạm tội mà có của Lý Kim H là 49.983.824đ (số tiền lãi hợp pháp).

+ Trả lại cho Lý Kim H số tiền 200 triệu đồng nH1 tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại cho anh Dương Hữu C 01giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên Dương Hữu C;

+ Trả lại cho anh Dương Văn H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giấy mang tên Dương Văn H

+ Trả lại cho anh Dương Công H3 01giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên Dương Công H3.

- Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 123, 131 và 468 Bộ luật dân sự

+ Buộc Lý Kim H trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay) số tiền thu lợi bất chính là 209.326.176đ, trong đó:

Trả cho Dương Công H1: 6.909.562đ;

Trả cho Dương Hữu C: 49.821.563đ;

Trả cho Dương Công H2: 100.367.615đ;

Trả cho Dương Thời H: 28.289.013đ;

Trả cho Vy Thị Tuyết: 15.948.610đ;

Trả cho Nguyễn Văn Đ: 5.309.583đ

Trả cho Dương Công H3 2.671.203đ

Còn Hoàng Văn Đ mới trả lãi được 20 triệu số tiền này là số tiền lãi theo quy định mà Lý Kim H được hưởng và đó là số tiền do phạm tội mà có nên đã bị tịch thu trong số tiền 49.983.824đ của Lý Kim H nên không được trả lại.

Ghi nhận bị cáo Lý Kim H và vợ là Nguyễn Thị T đã nộp 50.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Số tiền này sẽ được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Bị cáo phạm tội phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên và không bào chữa; lời nói sau cùng của bị cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, để sớm trở về làm ăn lương thiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, tỉnh Lạng Sơn, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều

tra và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ theo quy định của pháp luật; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, được Tòa án nhân dân huyện B triệu tập đến phiên tòa; bị cáo có yêu cầu xử vắng mặt những người này. Hội đồng xét xử thấy việc vắng mặt những người này không gây trở ngại đến việc xét xử; mặt khác những người này cũng đã có lời khai của họ tại Cơ quan điều tra, cần thiết có thể công bố lời khai của họ. Việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Trong thời gian từ tháng 10 năm 2018 đến tháng 7 năm 2019, Lý Kim H đã cho 07 người điều trú tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn vay tiền với lãi suất cao là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với 182,5%/năm, gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự năm 2015 với tổng số tiền là 475.000.000 đồng; trong đó cho Dương Công H1 vay 30.000.000 đồng, Dương Hữu C và Dương Công H2 vay 160.000.000 đồng, vợ chồng Hoàng Văn Đ và Long Thị N vay 150.000.000 đồng, Dương Thời H vay 40.000.000 đồng, Vi Thị T vay 35.000.000 đồng, Nguyễn Văn Đ vay 30.000.000 đồng, Dương Công H3 vay 30.000.000 đồng. Tổng số tiền Lý Kim H tính để thu lợi bất chính thuộc cấu thành tội phạm của các bị hại là 728.191.741 đồng, trong đó của Dương Công H1 là 27.309.562 đồng, Dương Hữu C và Dương Công H2 là 184.198.178 đồng, vợ chồng Hoàng Văn Đ và Long Thị N là 464.465.565 đồng, Dương Thời H là 28.289.013 đồng, Vi Thị T là 15.948.610 đồng, Nguyễn Văn Đ là 5.309.583 đồng, Dương Công H3 là 2.671.230 đồng; số tiền thu lợi bất chính bị can Lý Kim H thực tế nhận từ người vay là 6.909.562 đồng + 100.376.615 đồng + 49.821.563 đồng + 28.289.013 đồng + 15.948.610 đồng + 5.309.583 đồng + 2.671.230 đồng = 209.326.176 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo Lý Kim H đã phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi cho vay lãi nặng đang có xu hướng gia tăng và lan rộng, là mầm mống làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất an ninh trật tự, mất ổn định xã hội, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm NH1 chỉ vì tư lợi các nhân mà bị cáo đã cố ý thực hiện là thể hiện sự liều lĩnh và xem thường pháp luật. Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm

trọng nH1 hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi của bị cáo còn mang tính chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, điều đứng. Vì vậy, cần có đường lối xử phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo và gia đình đã tự khắc phục hậu quả bằng cách nộp số tiền thu lợi bất chính để trả lại cho người vay và nộp ngân sách nhà nước, đồng thời tự nguyện để lại số tiền bị tạm giữ là 200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; gia đình bị cáo có ông Nguyễn Văn Minh là bố vợ được tặng kỷ niệm chương chiến sĩ trường sơn đường Hồ Chí Minh. Do đó cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Lý Kim H có trách nhiệm trả lại số tiền lãi trái pháp luật cụ thể: Trả cho anh Dương Công H1 số tiền 6.909.562 đồng; anh Dương Hữu C số tiền 49.821.563 đồng; anh Dương Công H2 số tiền 100.376.615 đồng; anh Dương Thời H số tiền 28.289.013 đồng; chị Vy Thị Tuyết số tiền 15.948.610 đồng; anh Nguyễn Văn Đ số tiền 5.309.583 đồng; anh Dương Công H3 2.671.230 đồng. Đây là những khoản tiền giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định của pháp luật dân sự được quy định tại Điều 131 và 468 của Bộ luật Dân sự thì không được tính lãi suất của các khoản tiền này.

[8] Ghi nhận vợ bị cáo là Nguyễn Thị T nộp 50.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Số tiền này sẽ được tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Về xử lý vật chứng:

[10] Truy thu số tiền gốc là công cụ phương tiện phạm tội, trong đó: Số tiền 100.000.000 đồng của bị cáo Lý Kim H, đây là số tiền gốc của Dương Công H2 đã trả cho bị cáo và 49.983.824 đồng của bị cáo là số tiền lãi hợp pháp để sung ngân sách Nhà nước.

[11] Truy thu số tiền gốc của những người vay chưa trả gồm: Số tiền 30.000.000 đồng đối với anh Dương Công H1; 60.000.000 đồng đối với anh Dương Hữu C; 150.000.000 đồng đối với anh Hoàng Văn Đ; 40.000.000 đồng đối với anh Dương Thời H; 35.000.000 đồng đối với chị Vi Thị T; 30.000.000 đồng đối với anh Nguyễn Văn Đ; 30.000.000 đồng đối với anh Dương Công H3; đây được xác định là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[12] Tịch thu 01 quyển sổ bìa nhựa màu tím than, ngoài bìa trước có chữ “Buerau”; bên trong có ghi các chữ và số; 18 tờ giấy vay tiền đã ghi nội dung; trong đó 02 tờ tên Dương Công H1, 01 tờ tên Hoàng Văn Đ, 04 tờ tên Long Thị N, 01 tờ tên Hoàng Văn Đ và Long Thị N, 04 tờ tên Dương Hữu C, 03 tờ tên Vi Thị T, 01 tờ tên Dương Công H3 và 02 tờ tên Dương Thời H; 50 tờ giấy khổ A4, in mẫu Giấy vay tiền, chưa ghi nội dung; được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[13] Trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp gồm 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; trong đó 01 giấy mang tên Dương Hữu C, 01 giấy mang tên Dương Văn H và 01 giấy mang tên Dương Công H3 nH1 tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[14] Trả lại cho bị cáo Lý Kim H số tiền 200.000.000 đồng bị tạm giữ trong quá trình khám xét nH1 tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[15] Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime màu vàng, đã qua sử dụng; số Imei thứ nhất: 353415085158502, số Imei thứ hai: 353415085158500. Kèm theo 02 sim thuê bao của bị cáo Lý Kim H.

[16] Về án phí: Bị cáo Lý Kim H bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[17] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lý Kim H và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ theo khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lý Kim H.

Căn cứ vào khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 262; Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ Điều 123, 131, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lý Kim H phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Xử phạt bị cáo Lý Kim H 06 (Sáu) tháng tù giam, thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 08/8/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự.

Bị cáo Lý Kim H có trách nhiệm trả lại số tiền lãi trái pháp luật cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ thể: Trả cho anh Dương Công H1 số tiền

6.909.562 đồng; anh Dương Hữu C số tiền 49.821.563 đồng; anh Dương Công H2 số tiền 100.376.615 đồng; anh Dương Thời H số tiền 28.289.013 đồng; chị Vy Thị Tuyết số tiền 15.948.610 đồng; anh Nguyễn Văn Đ số tiền 5.309.583 đồng; anh Dương Công H3 2.671.230 đồng.

3. Xử lý vật chứng:

Truy thu số tiền 100.000.000 đồng của bị cáo Lý Kim H, đây là số tiền gốc của Dương Công H2 đã trả cho bị cáo và 49.983.824 đồng của bị cáo là số tiền lãi hợp pháp để sung ngân sách Nhà nước.

Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 30.000.000 đồng đối với anh Dương Công H1; 60.000.000 đồng đối với anh Dương Hữu C; 150.000.000 đồng đối với anh Hoàng Văn Đ; 40.000.000 đồng đối với anh Dương Thời H; 35.000.000 đồng đối với chị Vy Thị Tuyết; 30.000.000 đồng đối với anh Nguyễn Văn Đ; 30.000.000 đồng đối với anh Dương Công H3; đây được xác định là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Tạm giữ số tiền 50.000.000 đồng của Nguyễn Thị T là vợ bị cáo Lý Kim H nộp để xử lý hậu quả vụ án tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B để đảm bảo thi hành án (theo biên lai thu tiền số AA/2011/01595 ngày 08/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn).

Tịch thu 01 quyển sổ bìa nhựa màu tím than, ngoài bìa trước có chữ “Buerau”; bên trong có ghi các chữ và số; 18 tờ giấy vay tiền đã ghi nội dung; trong đó 02 tờ tên Dương Công H1, 01 tờ tên Hoàng Văn Đ, 04 tờ tên Long Thị N, 01 tờ tên Hoàng Văn Đ và Long Thị N, 04 tờ tên Dương Hữu C, 03 tờ tên Vi Thị T, 01 tờ tên Dương Công H3 và 02 tờ tên Dương Thời H; 50 tờ giấy khổ A4, in mẫu Giấy vay tiền, chưa ghi nội dung; được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp gồm 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; trong đó 01 giấy mang tên Dương Hữu C, 01 giấy mang tên Dương Văn H và 01 giấy mang tên Dương Công H3 nH1 tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Lý Kim H 400 tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, loại có mệnh giá 500.000 đồng; đây là khoản tiền đã thu giữ trong quá trình khám xét tại nơi ở của bị cáo được xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nH1 tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu hóa giá nộp ngân sách nhà nước: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Prime màu vàng, đã qua sử dụng; số Imei thứ nhất: 353415085158502, số Imei thứ hai: 353415085158500. Kèm theo 02 sim thuê bao của bị cáo Lý Kim H.

Những vật chứng, tài sản trên được ghi theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B với Chi cục Thi hành án dân sự huyện B ngày 07/10/2019.

4. Về án phí: Bị cáo Lý Kim H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 10.466.000 đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch để sung ngân sách nhà nước. Tổng cộng bị cáo phải chịu tiền án phí là 10.666.000 đ (Mười triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: Toà; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vy Ngọc Linh